

# CHÌA KHÓA TRUNG QUÁN

༄༅། །དབུ་མའི་ལྗེ་མིག་ཅེས་བྱ་བ་བཞུགས་སོ།།

## The Key to the Middle Way

Tác giả: Thánh đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14

Kính lễ Trí tuệ đã vượt qua bên kia!

Con xin cung kính lạy Đấng Chiến Thắng  
Bảo vệ tất cả chúng sinh với lòng bi vô điều kiện  
Tuy Ngài đầy đủ đức trí và hoạt hành giác ngộ  
Nhưng chỉ là tên gọi và tâm thức gán đặt  
Giống như ảo thuật huyền hóa mà thôi  
Con xin luận giải ở đây lời ngắn gọn  
Về sự phối hợp duyên khởi với tính không  
Tinh hoa cam lồ của lời Phật dạy  
Để khai mở trí tuệ cho người mới bắt đầu.

## Mục lục

1 Nền tảng.....	3
Tất cả là thuộc về tâm thức .....	3
Tứ pháp ấn.....	4
Bốn trường phái tư tưởng Phật giáo.....	5
Kinh Liễu và Kinh bát liễu.....	5
Bốn pháp y - bốn điều tín nhiệm/ nương tựa.....	6
2 Tính Không là gì? .....	6
Chúng ta cần thông qua luận lý để hiểu biết về khái niệm của tính không.....	6
Đối tượng phủ định .....	7
Tính không nghĩa là tự tính rỗng không.....	7
Vô minh về sự rỗng không của tự tính thực hữu là nguyên nhân chính yếu của mọi tâm thức xấu và quả khổ đau.....	8
Nhị đế.....	9
Con Đường Trung Đạo Giữa Sự Tồn Tại và Không Tồn Tại.....	11
Tính không không phủ nhận khả năng của những chân lý có giá trị tương đối (quy ước). 11	
Các ví dụ.....	12
3 Những giải thích sâu hơn về tính không .....	13
Tính không của Thân và Tâm .....	13
Tính không của ngoại cảnh .....	14
Tính không của các tướng trạng, các yếu tố đại chủng, luân hồi và Niết bàn, chúng sinh và chư Phật.....	15
Tính không của sanh .....	15
Tính không của nhân quả .....	16
Các pháp là trống rỗng vì các pháp đều là phụ thuộc duyên khởi, và ngược lại.....	16
Tính không không có nghĩa là đoạn biên .....	18
Vạn pháp duy tâm gán đặt, nhưng không chỉ duy tâm.....	18
Không tính của Tính Không.....	20
Tính không cũng là một chân lý tương đối khi được cụ thể hóa.....	21
Tính không là một phủ định phi-xác định.....	22
4 Các kết quả của việc chứng biết tính không .....	24
Lợi ích của việc chứng ngộ tính không: không bị sự trình hiện đánh lừa.....	24
Từ đây chúng ta phát khởi tín tâm vào những lời dạy khác của Đức Phật .....	26
Ba cấp độ của động cơ .....	27
5 Cách “thực hành” tính không.....	29
Cách nuôi dưỡng tri kiến tính không.....	29

## Nền tảng

### Tất cả là thuộc về tâm thức

Mỗi người chúng ta đều cầu mong đạt được hạnh phúc và không muốn bị khổ đau. Tuy nhiên, đạt được hạnh phúc hay loại trừ khổ đau là tùy thuộc vào hành vi của thân, miệng và tâm ý của chính ta. Nhưng những hành vi của thân và miệng lại phụ thuộc vào tâm ý. Vì thế, chúng ta cần phải sửa đổi tâm ý. Phương thức sửa đổi tâm ý chính yếu là làm cho những loại tâm sai lầm không sinh khởi; làm cho những loại tâm lương thiện sinh khởi và phát triển.

Định mức về giới hạn của tâm thiện ác ở đây là: Tâm nào sinh khởi ra, ban đầu làm cho ta trở nên bất an, và tâm trước đây hiện đang an ổn, bất chợt bị xôn xao hoặc căng thẳng. Do đó, gây ra hơi thở hỗn hển và tạo điều kiện cho không thoải mái, v.v... Từ đó theo trình tự bộc phát hành vi xấu ác của thân, lời nói trực tiếp hoặc gián tiếp, liên tục khiến người khác cũng khó chịu không vui. Tất cả những loại tâm đó là tâm xấu ác. Ngược lại, những loại tâm mang lại kết quả bình yên và an lạc tạm thời và lâu dài cho mình và kẻ khác thì gọi là tâm thiện lương.

Để cho tâm thức sai lầm không sinh khởi là bằng những cách như phẫu thuật não bộ, dùng các loại thuốc, hay làm cho trí nhớ lơ mơ như là ngủ say, hoặc khiến cho bất tỉnh giống như trong giấc ngủ sâu. Tuy nhiên, những phương thức này đôi khi chỉ có thể trợ giúp tạm thời, nhưng về lâu dài gây ra nhiều tai hại hơn là lợi ích.

Vì thế, phương pháp sửa đổi tâm hướng thiện bằng cách:

- Suy nghĩ về sự tai hại của những loại tâm xấu ác, nhận biết bản chất của tâm ấy.
- Sau đó, nên biết những loại tâm thiện rồi bắt đầu luyện tập làm quen qua việc tu duy trở lại nhiều lần về sự hỗ trợ thực sự có giá trị và ưu điểm lợi ích của nó.
- Nhờ vào sức mạnh của thói quen, có sự hỗ trợ đằng sau chống lưng, và phẩm tính phụ thuộc vào tâm cho nên năng lực của những loại tâm thiện càng ngày càng mạnh mẽ, đương nhiên sẽ khiến cho năng lực của tâm sai lầm càng ngày càng giảm xuống. Cho đến một ngày sẽ xuất hiện dấu hiệu thiện lương kiên định trong tâm.

Đối với phương thức sửa đổi tâm thức như thế này, nhiều bậc Đại Đạo Sư trên thế giới đã thuyết giảng nhiều phương pháp trị liệu phù hợp với từng tâm tính của người đệ tử, tùy theo nơi chốn và thời gian. Trong đó, kinh điển Phật giáo giảng dạy nhiều phương pháp điều phục kiểm soát tâm thức. Ở đây, nói một chút về tư tưởng triết học quan kiến tính không.

Đạo Phật có hai thừa, Tiểu thừa và Đại thừa (Mahayana), và trong Đại thừa lại chia thành kinh điển Hiện giáo thừa và Mật thừa. Tất cả thừa đều nói về quan kiến vô ngã. Khi phân ranh sự khác biệt giữa Phật giáo và ngoại đạo trên phương diện hành vi là người có quy y Tam bảo hay không<sup>1</sup>; và khi phân ranh trên phương diện quan kiến tư tưởng là người chấp nhận bốn Pháp ấn hay không.

## **Tứ pháp ấn**

Bốn pháp ấn:

- 1) Tất cả các hành<sup>2</sup> là vô thường.
- 2) Tất cả các pháp hữu lậu là khổ đau.
- 3) Tất cả mọi hiện tượng (các pháp) là rỗng không và vô ngã.
- 4) Niết bàn<sup>3</sup> là tịch tĩnh.

Tất cả Phật tử đều thừa nhận tất cả các pháp là rỗng không và vô ngã.

- Bao hàm cả bốn trường phái triết học Phật giáo: Hữu bộ - Vaibhasika, Kinh lượng bộ - Sautrantika, Duy thức - Cittamatra và Trung quán – Madhyamika đều thừa nhận ý nghĩa vô ngã về Nhơn vô ngã - cá thể vô ngã là cá thể không có chất thể của sự tự nắm giữ một cách độc lập.
- Duy thức tông luận sư thừa nhận pháp vô ngã của sự rỗng không của hai bản thể nắm giữ (đối tượng - cảnh được nắm giữ và chủ thể - tâm thức nắm giữ).
- Trung quán tông luận sư - Madhyamika thừa nhận pháp vô ngã của sự rỗng không của sự thực có.

Đối với ý nghĩa quan kiến của các triết học bộ phái trên cao và bộ phái dưới thấp có sự khác biệt rất lớn về phần thô và phần vi tế. Nếu hiểu biết rõ ràng về chủ trương của các tông phái dưới thấp là phương pháp trợ giúp lớn lao cho việc hiểu biết sâu sắc về quan kiến của các tông phái trên cao một cách chuẩn xác. Ở đây, theo truyền thống của tông phái Trung quán được chia làm hai: Trung quán tự tặc phái và Trung quán ứng thành phái thì sẽ nói về chủ trương của Trung quán ứng thành phái.

---

<sup>1</sup> quy y Tam bảo là Phật tử và người không quy y Tam Bảo là ngoại đạo.

<sup>2</sup> pháp hữu vi

<sup>3</sup> Nirvana.

## **Bốn trường phái tư tưởng Phật giáo**

Hỏi: "Có phải Sự khác nhau của các tông phái triết học này là do đức Thế Tôn đã nói? Nếu Ngài nói, mỗi trường phái này dựa vào bộ kinh điển nào? sự khác biệt về các tông phái triết học cao thấp và thâm sâu có cần dựa vào kinh điển thẩm quyền hay không?"

Đáp: "Các quan kiến khác nhau của bốn tông phái triết học này do chính đức Thế Tôn đã dạy đệ tử tùy thuận theo trình độ tâm lượng cao, thấp và trung bình của họ. Nếu dạy về vô ngã có thể dẫn họ rơi đoạn kiến hoặc nguy hiểm đưa họ đến niềm tin sai lầm. Vì (tâm lượng của) đệ tử cho nên trong một số kinh điển đức Phật nói "có ngã."

Khi đức Phật trả lời cho câu hỏi "có ngã" hay "vô ngã", thì Ngài an trụ tâm xả - bình đẳng, giữ im lặng không trả lời là "có ngã" hay "vô ngã" vì e ngại đệ tử có thể rơi vào chấp thường kiến hoặc chấp đoạn kiến, như trong trường hợp "bốn mươi loại quan kiến vô ký". Về vấn đề vô ngã, đức Phật đã thuyết giảng nhiều loại khác nhau, ở đây chỉ giải thích sơ lược như trên.

"Mỗi tông phái dựa vào bộ kinh điển nào?". Hữu bộ - Vaibhasika và Kinh lượng bộ - Sautrantika chủ yếu dựa vào các kinh điển trong lần chuyển pháp luân thứ nhất, như là Kinh về Bốn Sự Thật (Kinh Tứ Thánh Đế - Catuhsatya). Duy thức tông - Cittamatra chủ yếu dựa vào các kinh điển của lần chuyển pháp luân cuối cùng, như là Kinh Giải Thâm Mật (Samdhinirmocana), v.v....

Trung quán tông - Madhyamika chủ yếu dựa vào các kinh điển của lần chuyển pháp luân thứ hai, như là "Thập Vạn Tụng Bát Nhã Kinh", v.v... Tuy nhiên, ba lần chuyển pháp luân cũng được trình bày theo địa điểm, thời gian, chủ đề và chúng đệ tử.

## **Kinh liễu và Kinh bất liễu**

"Nếu dựa vào kinh điển để phân chia sự sâu - cạn hoặc quan kiến cao thấp của sự bất đồng giữa các tông phái triết học, trong khi đó mỗi kinh điển đều tự cho rằng hệ thống giáo lý của chính kinh điển đó là tối thắng, thì chúng ta công nhận bộ kinh điển nào là chân thực? Làm thế nào để phân chia các bộ kinh khác không đồng thuận với bộ kinh chân thực? Nếu phải chứng minh một bộ kinh này là chân thực, bộ kinh kia là không chân thực bằng cách trích dẫn kinh điển thì (quá trình đó) sẽ trở thành vô tận. Do đó, phải căn cứ vào luận lý để phân biệt sự cao và thấp của các quan kiến.

Vì vậy, kinh điển Đại thừa nói rằng cần phải phân biệt "bất liễu nghĩa" và "liễu nghĩa" trong lời dạy của Đấng Chiến Thắng. Từ chủ ý này, *kinh* dạy:

Các Tỳ-kheo và người trí

Hãy khảo sát kỹ lời dạy của ta

Như nung, cắt, giữa vàng

Đừng vì kính ta mà tin nhận.

## **Bốn pháp y - bốn điều tín nhiệm/ nương tựa**

Trong Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận (Mahdyanasutralamkara), đức Từ Thị đã phân tích sâu sắc ý nghĩa tư tưởng của câu kệ này chính là bốn pháp y - bốn sự nương tựa:

- 1) Không nên dựa vào người thuyết pháp, mà nên dựa vào pháp hoặc tông phái triết học mà người đó dạy.
- 2) Không nên dựa vào chỉ đơn thuần là ngôn từ êm tai, v.v..., mà nên dựa vào ý nghĩa của chúng.
- 3) Về ý nghĩa cũng được thông qua bản hoài mật ý, mục đích và không phương hại trực tiếp. Không nên dựa vào bất liễu nghĩa – drang dhon, mặc dù là nghĩa đen – đúng như ngôn từ nhưng chỉ một mình ý nghĩa ấy không phải là ý nghĩa thực sự thấu suốt tận cùng đáy sâu (nghĩa thực của cứu cánh triệt để), mà vẫn còn phải tiếp tục dẫn giải sang nghĩa lý khác nữa. Và nên dựa vào kinh điển có ý nghĩa xác định (liễu nghĩa), tức là không cần thiết giải thích thêm.
- 4) Với ý nghĩa xác định - liễu nghĩa, không nên dựa vào tâm thức (phân biệt nhị nguyên – hai sự trình hiện), mà nên dựa vào trí huệ (vô phân biệt).

## 2

### **Tính Không là gì?**

#### **Chúng ta cần thông qua luận lý để hiểu biết về khái niệm của tính không**

Trí tuệ vô phân biệt (về đối tượng hướng đến) chúng biết không tính thâm sâu, trước tiên thiên quán tư duy bằng khái niệm phân biệt nghĩ đến đối tượng không tính thâm sâu một cách đúng đắn. Đến lúc hiển lộ rõ ràng ý nghĩa của đối tượng được thiên quán, (khi đó tư duy phân biệt) sẽ trở thành trí tuệ vô phân biệt.

Hơn nữa, tâm phân biệt đó mới được sinh khởi cũng cần phải nương nhờ vào lý do chính xác - chánh lý. Nói đến tận cùng điểm gặp gỡ đều do luận lý quyết định. Luận lý này chung cuộc cũng phải gặp gỡ ngay trong kinh nghiệm đúng đắn của chính mình và kẻ khác. Điểm gặp gỡ cuối cùng của những luận lý phải là hiện lượng - nhận thức trực tiếp một cách chính xác. Đây là tư tưởng của hai vị luận sư, Vua của chánh lý tự tại Pháp xúng và Trần na.

## **Đối tượng phủ định**

Hỏi: Trí tuệ chứng biết Lượng luận – lý luận học và quan kiến triết học tính không có ích lợi gì cho việc phát triển tâm lương thiện? Học giả mới cần trí tuệ, người tu hành thì cần sự thanh tịnh cao thượng và lương thiện.

Đáp: Có nhiều giai đoạn cải thiện tâm, đối với một số người họ không cần phải quán sát phân tích bằng lý do, mà chỉ bằng niềm tin ví dụ như thiền định chú tâm vào một điểm. Nếu chỉ (cải thiện tâm bằng niềm tin) có thể mà thôi, sẽ không phát huy được năng lực hùng mạnh. Hơn nữa, việc phát triển tâm thức lương thiện đến vô cực, mà chỉ tu tập làm cho tâm quen thuộc với đối tượng thiền là chưa đủ. Đối tượng thiền đòi hỏi phải có lý do. Nói chung, đối tượng thiền có lý do vẫn chưa đủ, mà đòi hỏi chính bản thân người hành thiền phải thấu hiểu và đạt được sự xác chứng. Bởi vậy, một hành giả cao cấp không thể không có trí tuệ.

Tuy nhiên, nếu chúng ta bắt buộc phải lựa chọn một trong hai tài và đức, thì có lẽ đức hạnh sẽ quan trọng hơn vì nó mang lại nhiều lợi ích. Chỉ có tài giỏi mà không chế phục kiềm chế được tâm mình thì thay vì làm cho tâm được an tịnh, ta có thể tăng thêm tâm tiêu cực chẳng hạn như ganh tỵ với cấp trên, ganh đua với người ngang hàng, kiêu ngạo và khinh miệt kẻ dưới v.v... khiến cho chính ta và kẻ khác bất an. Như thể làm cho thuốc chuyển thành chất độc thì càng nguy hiểm hơn. Vì thế, việc kết hợp đầy đủ cả ba tài giỏi, đức hạnh và lương thiện là điều cực kỳ quan trọng để cho sự tài giỏi không hủy hoại đức hạnh, đức hạnh không hủy hoại sự tài giỏi.

(Liên quan đến việc cải thiện tâm thức) ở đây nói đến xác chứng nghĩa lý của tính không vô ngã thì phải hiểu biết chính xác ý nghĩa của nguyên nhân rỗng không (hiện tượng sự vật rỗng không) là gì? Bồ Tát Tịch Thiên - Santideva trong tác phẩm *Nhập Bồ Tát Hạnh* (Bodhicaryavatara, IX. 140):

Chưa biết được pháp hữu - (hiện tượng sự vật gán đặt)

Thì không thể nắm bắt pháp vô.

Cũng vậy, nếu chưa xác định được cái gì là đối tượng bị phủ định của hiện tượng sự vật rỗng không thì chẳng hiểu nổi ý nghĩa của tính không.

## **Tính không nghĩa là tự tính rỗng không**

Hỏi: Cái gì là rỗng không?

Đáp: Tính rỗng không bởi sự xúc chạm và ngăn cản của đối tượng bị phủ định - sở giá; như ánh sáng cầu vồng; hoặc tính không giống như không gian rỗng không cái hữu hình - sở giá; cũng không phải cái thực thể của đối tượng bị phủ định là rỗng không, nó cũng không phải đối tượng bị phủ định cái thực thể đó trước có và sau này không có; tính không là không phải thứ vắng mặt một khu rừng mà cây cối đã bị cháy hết, không còn gì cả bởi vì cảnh vật “trống không” không còn rừng nữa; tính không cũng không

phải là sự rỗng không đối tượng bị phủ định - khakja mà nó chưa từng tồn tại từ vô thi; cái kiểu khakja rỗng không cũng chẳng phải là trên bàn rỗng không cái bình hoa (Trong trường hợp này, đối tượng của sự phủ nhận – cái bình bông – là một thực thể bị tách rời khỏi cơ sở của sự phủ nhận: tức cái bàn).

Cơ sở mà ta phủ nhận sự hiện hữu nội tại - khakja không có nghĩa là bản thể của đối tượng bị phủ nhận. Nếu không hiểu chính xác cái nào là đối tượng phải bác bỏ, hoặc không hiểu chính xác được tiêu chuẩn định mức sự thành lập của ngã; (thì chúng ta không thể hiểu được tính không,) cũng không phải nghĩa chẳng có gì cả (hư vô), rỗng rang. Tất cả những điều trên đây tuyệt đối chẳng phải là ý nghĩa của tính không.

Hỏi: Có ích gì phải trải qua mọi rắc rối trong việc đã biết chắc chắn về ý nghĩa và định mức thành lập một cái gì đó không tồn tại và để rồi sau cùng quán thấy chính xác là nó không tồn tại?

### **Vô minh về sự rỗng không của tự tính thực hữu là nguyên nhân chính yếu của mọi tâm thức xấu và quả khổ đau**

Hỏi: Có ích gì phải trải qua mọi rắc rối trong việc đã biết ý nghĩa hoặc tiêu chuẩn thành lập một cái gì đó xác định sự không tồn tại và sau đó quán thấy xác định sự không tồn tại?

Theo thông thường ở đời, sự kiện thông tin không thật lại cho là thật, nên chúng ta bị đánh lừa và gặp tai hại. Tương tự như vậy, bởi cho rằng các pháp có thực thể tự tính trong khi thực tế chúng không có thực thể, do đó chúng ta cũng bị tai hại.

Ví dụ, khi ý thức nghĩ về ‘cái tôi’: (1) lỗi chấp ngã dựa trên cái tôi khi đang sinh khởi tham lam, sân hận, ngã mạn, v.v... thì khác với (2) lỗi chấp ngã khi đang được thư giãn, không có mặt (tham, sân, ngã mạn, v.v...)

Cũng vậy, tâm thức đơn thuần hướng đến một món đồ trong cửa hàng trước khi mua nó, và tâm thức nắm giữ món đồ đó sau khi đã mua, ta thích thú và chấp giữ món đồ đó là của tôi. Cả hai tâm này đều có cùng một đối tượng, và trong cả hai trường hợp cách trình hiện của đối tượng đó là sự trình hiện có thực thể giống nhau. Tuy nhiên, có sự khác nhau giữa có hay không tâm nắm giữ (món đồ đó) thực thể hoặc cụ thể rắn chắc.

Cũng vậy, khi chúng ta nhìn thấy mười người, chỉ nhìn thấy sự trình hiện đối tượng hiện hữu trên mười người; tuy nhiên, khi đó không chắc chắn đó chúng ta sẽ vào sự trình hiện của mười người hiện hữu từ phía chính họ hoặc thực có và cho đó là thật. [Nếu chúng ta xác lập sự thật về sự trình hiện của những người này là tồn hữu như thực, tiến trình sẽ diễn ra như sau.] Bất luận là lý do đúng hay lý do sai, ta sinh khởi phi như



lý tác ý – (phát tác tâm thức không thực tế) [dựa trên việc đã quan niệm mười người này thực có] phân biệt vọng tưởng về một người tốt hoặc xấu trong số mười người này.

Vào thời điểm đó, tâm phóng đại một cách sai lầm sự trình hiện của người này là tốt hay là xấu vượt xa sự thực vốn có. Và rồi khởi lên tâm tham sân, và hậu quả là, lúc đó, chúng ta sẽ dính mắc vào đối tượng [sự trình hiện của một người tốt hay xấu tồn hữu như thực] từ sâu thẳm trong tâm của chúng ta cho là đúng, chân thật nhất.

Do đó, tâm chấp thực có tự tính đi trước bất kỳ tâm xấu nào, dẫn dắt nó, và cũng đi cùng - đồng hành hoặc làm trợ duyên cho nhiều tâm xấu khác. Vì vậy, nếu không có vô minh chấp thật thì sẽ không có cơ hội cho tham, sân, v.v... phát khởi. Bởi thế, thật quan trọng để nhận diện rằng chẳng có đối tượng cần được phủ định từ vô thi đến nay, nghĩa là phải có nhận biết chắc chắn rằng nó không hiện hữu mà chấp giữ như là nó hiện hữu rõ ràng. Vì ngăn chặn sự sinh khởi phân biệt vọng tưởng tác ý sai lệch giống như những con sóng biển dập dờn bất tận này. Ngài Long Thọ nói trong chương 18 của *Căn Bản Trung Quán Luận Tụng* (Prajna-nama-mulamadhyamakakarika, XVIII. 4-5):

Từ các pháp bên trong và bên ngoài

Tận trừ tư duy về 'tôi' và 'của tôi'

Sẽ loại trừ cận thù

Tận trừ cận thù là tận trừ sự sinh.

Khi nghiệp và phiền não diệt là giải thoát;

Nghiệp, phiền não sinh từ phân biệt khái niệm

Phân biệt khái niệm sinh từ hý luận

Tính không sẽ loại trừ sự hý luận.

## Nhi đế

Từ vô thi cho đến nay chưa từng tồn tại một tự tính thực có, cho nên tuyệt đối không có (một pháp nào) hiện hữu tự do tự chủ. Bởi vì chỉ đơn thuần sự phụ thuộc duyên khởi của tính không, tạo ra tất cả sự tai hại và lợi ích, tác dụng và cảm nghiệm. Do vậy, chỉ phụ thuộc duyên khởi mà tồn tại. Sự hiển hiện của tất cả vạn pháp luân hồi thì rỗng không tịch lặng vốn không có thực thể tự tính hoặc từ bản thể không vượt thoát pháp giới không tính ấy phụ thuộc duyên khởi mà trình hiện muôn hình vạn trạng khác nhau. Do đó, mọi hiện tượng đều có hai bản thể: một bản thể là sự trình hiện tạm thời và một bản thể tối hậu là cách tồn tại đúng như chúng là. Hai điều này lần lượt được gọi là những chân lý quy ước/tục đế và những chân lý tối hậu/thắng nghĩa đế. Thánh Long Thọ dạy trong *Căn Bản Trung Quán Luận Tụng* (XXIV.8):

Chư Phật giảng dạy giáo pháp

Hoàn toàn dựa vào hai chân lý  
Thế tục đế thế gian  
Chân thực thắng nghĩa đế.

Hơn nữa, Tôn giả Nguyệt Xứng trong *Nhập Trung Luận* (Madhyamakavatara, VI.23) nói:

Do thấy mọi pháp thực và giả  
Nắm giữ hai bản thể các pháp  
Thấy cảnh đúng là chân đế  
Thấy cảnh giả dối là tục đế.

Sự phân loại các chân đế sẽ được giải thích ngắn gọn dưới đây. Chân lý quy ước được chia thành 2 loại đúng thực và giả dối theo quan điểm của nhận thức tục đế thông thường. Ngài Nguyệt Xứng nói (Chú thích, VI.24-25):

Thấy giả dối cũng có hai loại  
Giác quan sáng suốt và giác quan suy tổn  
Nhận thức của các giác quan suy tổn là sai  
Đối với nhận thức của giác quan khoẻ mạnh.

Các đối tượng được thế giới nhận ra và được nắm bắt  
Thông thường cảnh nào được biết  
Bởi sáu giác quan không suy tổn  
Quan điểm thế gian cho là thực  
Còn lại thế gian cho là giả dối.

Như vậy, mục đích của việc hiểu biết về hai chân lý là vì sự trình hiện tốt đẹp hoặc xấu xa, chúng vốn có liên hệ mật thiết với nơi tạo nên sự liên hệ. Do đó phải biết hai bản thể tạm thời và tối hậu của đối tượng mà ta có liên kết. Ví dụ, ta thường phải giao tiếp với một người hàng xóm xảo quyệt và lừa đảo bằng cách đánh giá thái độ biểu hiện bên ngoài của người đó có liên hệ với nhiều sự thiệt hại của ta. Không phải do lỗi của chúng ta khi tiếp xúc với người đó mà là lỗi ở cách chúng ta hành xử sai lầm. Hơn nữa, vì không biết bản chất tính tình của người hàng xóm nên chúng ta đã không đánh giá đúng về anh ta và đã bị lừa dối.

Do đó, nếu ta hiểu rõ cả biểu lộ bên ngoài và nắm bắt được bản chất, tính nét chính yếu bên trong của người đó, chúng ta có thể cư xử phù hợp với bản chất và khả năng của người đó. Nếu làm được như vậy, chúng ta sẽ không bị tổn thất gì cả.

## Con Đường Trung Đạo Giữa Sự Tôn Tại và Không Tôn Tại

Tương tự, nếu sự biểu hiện tướng trạng bên ngoài của các pháp hoặc sự tồn tại tạm thời hiện tiền, không hề khác với thật tướng cứu cánh - bản chất thật tối hậu - tận cùng thì cách thể hiện ẩn tượng bên ngoài và cách tồn tại thật tướng phải phù hợp với nhau. Nếu như thế thì ta có thể cho rằng những gì mà hiện tượng hiển bày của danh ngôn thuật ngữ (biểu hiện quy ước) sẽ là đúng sự thực, nhưng không phải như thế. Dù các hiện tượng xuất hiện như thật, nhưng từ điểm tận cùng tối hậu, sự thực có là không thực, không có tự bản thể, cũng chẳng phải tuyệt đối không tồn tại, là trụ trong trung đạo. Thấy biết cách tồn tại đúng như nó là, gọi là quan kiến của trung đạo.

Liên quan đến vấn đề này là cách thức không có tự thể tính - đối tượng bị phủ định hoặc vô ngã. Hiện tại mắt của ta nhìn thấy hình sắc v.v..., tâm nhận biết, cảm nghiệm, v.v... bất cứ đối tượng nào xuất hiện cũng đều xuất hiện giống như đối tượng bị phủ định có tự thể tính và đối tượng của cơ sở phủ định, hoặc có bản thể tồn tại độc lập, hoặc đối tượng tự thành lập thực sự. Điểm quan trọng này đối với tất cả tri thức đều là nhận thức lệch lạc, ngoại trừ trí tuệ chứng biết trực tiếp.

### Tính không không phủ nhận khả năng của những chân lý có giá trị tương đối (quy ước)

Hỏi: [Nếu tất cả những thức không trực tiếp hiểu biết tính không đều sai lầm, thì phải chăng điều này có nghĩa là] không có chủ thể nhận thức có giá trị nào có thể xác nhận các pháp hiện hữu theo ngôn từ thuật ngữ, chẳng hạn như các hình sắc, và v.v...? Hay điều này có nghĩa là đối tượng danh ngôn thuật ngữ có thể tồn tại bởi một nhận thức điên đảo, lầm lạc [chứ không phải là sự hiện hữu của nó đối với một nhận thức chánh lượng]. Cho nên, nó sẽ không phải là không thể nhận thức được một pháp không hiện hữu (đối với nhận thức trực tiếp tính không) [vì bất kỳ pháp nào cũng có thể được nhận thức bởi một thức lầm lạc]?

Đáp: Không có gì mâu thuẫn giữa ‘khi nhận thức bị nhầm lẫn bởi sự trình hiện có thực thể’ với ‘nhận thức có giá trị không bị đánh lừa về đối tượng chính yếu của nó’. Ví dụ, nhãn thức nắm giữ hình sắc là cái thức sai lầm bởi vì hình sắc trình hiện là thực có. Tuy nhiên, nhãn thức nắm giữ hình sắc là hình sắc mà không nắm giữ hình sắc là thực có nên nó là nhận thức có giá trị. Nhãn thức nắm giữ hình sắc đó không những là cái thức có giá trị đối với sự trình hiện của sắc, mà còn (cái thức có giá trị) đối với sự trình hiện của hình sắc có thực. Do đó, tất cả nhận thức, năng thủ và sở thủ (chủ thể nắm giữ và đối tượng được nắm giữ) nhất định phải là cái thức trực tiếp có giá trị - hiện lượng về đối tượng của chính nó, bởi vì gọi “cái thức biết cảnh - đối tượng của nó”; được gọi cái thức là biết và sáng suốt về sự sinh khởi hình tướng của cảnh nhờ vào năng lực của sự xuất hiện của đối tượng.

Hơn nữa, tiêu chuẩn cho sự tồn tại thể tục tương đối của một pháp không chỉ đơn thuần là sự tồn tại của nó đối với một thức điên đảo lầm lạc. Ví dụ, hình ảnh những sợi

tóc rơi xuống xuất hiện trong nhãn thức của người bị bệnh đục thủy tinh thể. Bởi vì cái thức của anh ta sinh khởi hình ảnh sợi tóc rơi xuống, nên nó là nhận thức trực tiếp - hiện lượng về đối tượng của nhận thức đó. Tuy nhiên, vì những sợi tóc rơi làm nền tảng cho sự hiển hiện đó lại hoàn toàn không tồn tại nên nhận thức bị đánh lừa bởi đối tượng chính của nó. Vì thế, do nhận thức và cách nó nắm bắt những sợi tóc rơi này mâu thuẫn trực tiếp với nhận thức có giá trị hợp lý, nên nó là nhận thức sai lầm. Làm thế nào mà nhận thức sai lầm này có thể trở thành tiêu chuẩn cho sự hiện hữu tương đối của một pháp?

Nói tóm lại, Phật dạy: Không có pháp nào mà không do tâm thức gán đặt ra, nhưng những gì tâm gán đặt, thì không nhất thiết phải tồn tại.

Như vậy, khi một pháp xuất hiện như là vốn tự tồn tại, nếu pháp ấy hiện hữu theo cách đúng như nó thể hiện là thực có chân thực; Khi phân tích quán sát tỉ mỉ thì bản chất thực của nó phải trở nên rõ ràng hơn. Ví dụ, thông thường ở đời cho là sự thực việc thực, nếu đúng là sự thực việc thực, khi ta truy tìm bằng khảo sát phân tích thì nó càng trở nên rõ ràng hơn và nguồn gốc của nó càng vững chắc hơn. Vì thế, khi tìm kiếm thì nhất định phải tìm được. Nếu ngược lại thì nó là sai, khi càng phân tích, tìm kiếm, thì nó trở nên không rõ ràng, và cuối cùng thì không thể đứng vững được. *Vòng Hoa Báu Của Long Thọ* (Ratnavali, 52-53) nói:

Nhìn thấy hình sắc ở từ xa  
Những người ở gần thấy rõ ràng.  
Nếu dương diệm nước ảo là nước,  
Những người ở gần sao chẳng thấy?

Như những người thấy từ xa  
Thế giới này là chân thực  
Những người gần không thấy vậy  
Vô hình như dương diệm nước ảo

### **Các ví dụ**

Lấy ví dụ. Khi ta bảo rằng nhân loại cần phải có hạnh phúc, tức thời hình ảnh một người nào đó hiển hiện ra trong tâm ta. Để chu toàn cho cái hạnh phúc cần thiết ấy của hã, chúng ta chu cấp thực phẩm, nhà ở cho hã, chăm sóc thuốc men, đem đến mọi tiện nghi vật chất cho hã, và tiếp theo ta cố gắng giáo dục hã, cho hã một căn bản giáo dục tốt giúp thêm cho hã sự thoải mái tinh thần, nhưng đến khi chúng ta tìm kiếm xem con người mà chúng ta ưu đãi đó là thế nào, ta sẽ nhận ra hã không phải là phần thân xác của hã, cũng không phải phần tâm thức của hã và không thể xác định được hã khác biệt với hai thân xác và tâm thức.

Tương tự, khi ta gặp một người bạn tên Tashi. Thoạt nhìn ta nhận thấy có sự thay đổi trên phần thân xác của hắn, và ta cũng chẳng cần tìm hiểu phân tích sâu xa hơn và bảo rằng: “Tôi có gặp Tashi, nó già hơn xưa rất nhiều và nó cũng đầy đà hơn trước”. Tâm không phân tích khảo cứu như thế, không phải là nhận thức sai lầm và sự tuyên bố này không phải là nói dối. Tuy nhiên, nếu ta quán sát phân tích sâu xa hơn ta sẽ nhận thấy rằng khi nhìn thấy thân xác của Tashi ta lại bảo là “thấy Tashi”, và thấy thân xác của Tashi mập mạp hơn xưa thì bảo là Tashi mập ra. Nhưng thực ra, con người Tashi đích thực ta không thấy được, mà ta chỉ thấy cái thân xác thuộc về hắn, vì vậy ta không thể nào xét đoán chính hắn đã già hơn hay phì nộm hơn. Hơn nữa, khi ta căn cứ trên các phẩm tính tâm thức của Tashi và ta bảo rằng: “Tashi là người tốt hay xấu”. Nhưng cái phần tâm đó cũng không phải là Tashi. Vậy thì chẳng có một thành phần nhỏ nhoi nào có thể gọi là Tashi, ngoài sự kết hợp giữa thân xác của hắn và tâm thức của hắn, kể cả sự tiếp nối liên tục của thân tâm và từng thành phần cá biệt trong sự kết hợp đó. Tashi được “xác định” chỉ dựa trên cơ sở kết hợp giữa thân và tâm thức của hắn. Như Ngài Long Thọ nói trong *Vòng Hoa Báu* (80):

Con người không phải đất, không phải nước,  
Không phải lửa, không phải gió, không phải không gian,  
Không phải cái thức và không phải tất cả những điều đó;  
Vậy con người là gì khác với những thứ này?

### 3

## Những giải thích sâu hơn về tính không

### Tính không của Thân và Tâm

Lại nói, 'Tôi nhìn thấy thân xác của Tashi', chỉ nhìn thấy lớp da bên ngoài của nhiều bộ phận của thân, thịt, da, xương, v.v., có chức năng giống như nhìn thấy thân xác của hắn. Ngay cả khi không nhìn thấy máu, xương và vân vân, điều đó không có nghĩa là không nhìn thấy thân xác. Để thấy một thân xác, không cần thiết phải thấy toàn thân; việc thấy ngay cả một bộ phận nhỏ có thể cũng [xem] như việc nhìn thấy thân. Tuy nhiên, đôi khi do lực của quan kiến thế gian tại thời điểm đó, nếu không thấy được một lượng nhất định nào đó thì nó không thể thấy thân xác. [Giống] như trên, nếu thân xác bị chia thành các bộ phận riêng lẻ như chân, tay v.v... thì sẽ không tìm thấy thân ở đâu. Ngoài ra, chân và tay có thể được chia thành ngón chân và ngón tay, ngón chân và ngón tay [chia] thành khớp và khớp [chia] thành phần trên và phần dưới; chúng có thể được chia thành các phần nhỏ và thậm chí những phần nhỏ nhất [chia] thành các phần tương ứng với các hướng. Khi chúng được phân chia theo cách này, không có thực thể nào

trong số này có thể được tìm thấy. Ngoài ra, nếu phần tử nhỏ nhất là vi trần cực vi vô thành phần có phương phần, tức là, nếu nó không có cạnh biên, thì cho dù có tập hợp bao nhiêu phần tử vô thành phần phương hướng, chúng cũng không bao giờ có thể sắp xếp cạnh nhau để tạo thành một khối.

Hơn nữa, Tashi được cho là hạnh phúc hay bất hạnh tùy theo tâm anh ta có thoải mái hay không. Tâm này là nền tảng của sự quyết định này là gì? Nó không tồn tại như là vật chất, nó chẳng phải hữu hình, bất kỳ đối tượng nào cũng có thể trình hiện trước nó và nó có bản thể của cái biết đơn thuần. Hơn nữa, nó là thế khi nó không được phân tích; nhưng khi phân tích thì không thể tìm thấy.

Khi tâm Tashi vui vẻ, thực thể của tâm đó chính là cái cần được phân tích. Nếu nó được chia thành những khoảnh khắc riêng lẻ thì không có cái khối nào là sự tổng hợp của nhiều khoảnh khắc trước và sau. Vào thời điểm của những khoảnh khắc sau thì những khoảnh khắc trước đã chấm dứt; do đó, những tâm [ở khoảnh khắc] trước đây đã ra đi và thực thể tâm của chúng cũng biến mất. Bởi vì những khoảnh khắc tương lai chưa được tạo ra nên chúng không tồn tại ở hiện tại. Ngoài ra, khoảnh khắc hiện tại đơn nhất không tách rời khỏi cái đã được tạo ra và cái chưa được tạo ra. Do đó, khi nó được tìm kiếm như vậy, người ta không thể thiết lập được tâm thức ở hiện tại. Khi tâm vui vẻ, là đối tượng được thảo luận trong câu “Tâm anh ấy hạnh phúc”, được tìm kiếm, nó hoàn toàn không thể tìm được. Nói tóm lại, những tâm lạc và khổ, v.v..., chỉ được coi là một tập hợp những khoảnh khắc trước đây và tương lai của chính chúng. Ngay cả khoảnh khắc ngắn nhất cũng được gán cho từng phần của nó; nó có những phần riêng biệt của sự sanh và diệt. Nếu một khoảnh khắc là không có bộ phận, thì không thể tích hợp được sự tương tục của chúng.

### **Tính không của ngoại cảnh**

Tương tự như vậy, khi một vật bên ngoài như cái bàn trình hiện trước tâm, tự tướng cái bàn hoặc cái bàn độc lập sẽ trình hiện. Hãy phân tích cái bàn này bằng cách chia nó thành toàn thể và bộ phận. Nói chung, cái bàn được an lập trên cơ sở cho những phẩm chất của nó, và bằng cách xem xét những phẩm chất của nó như hình dạng, màu sắc, chất liệu và kích thước, chúng ta có thể nói về giá trị, chất lượng của nó, v.v... Ví dụ: khi chúng ta nói 'Cái bàn này tốt, nhưng màu sắc của nó không đẹp', thì có một cái bàn làm cơ sở cho việc ước tính phẩm chất màu sắc của nó. Nền tảng sở hữu những phẩm chất này tồn tại [theo quy ước], nhưng bản thân những phẩm chất và các bộ phận riêng lẻ không phải là nền tảng của những phẩm chất đó. Ngoài ra, sau khi loại bỏ những phẩm chất và bộ phận, nền tảng của những phẩm chất này không thể tìm thấy được. Nếu không có nền tảng như vậy, thì (1) vì các phẩm chất cần phải được thành lập tùy thuộc vào nền tảng của các phẩm chất, và hơn nữa, (2) vì nền tảng của các phẩm chất được thành lập chủ yếu phụ thuộc vào các phẩm chất, nên các phẩm chất cũng sẽ không tồn tại.

Chúng ta hãy minh họa điều này bằng ví dụ về một chuỗi tràng hạt có một trăm lẻ tám hạt. Toàn bộ, một chuỗi tràng hạt, có một trăm lẻ tám hạt làm bộ phận. Các bộ phận và tổng thể [theo quy ước] là khác nhau; tuy nhiên, khi các bộ phận bị loại bỏ thì không



thể tìm được một chuỗi tràng hạt. Bởi vì chuỗi tràng hạt là một và có nhiều bộ phận nên chuỗi tràng hạt không giống như các bộ phận của nó. Khi các bộ phận bị loại bỏ thì không có chuỗi tràng hạt nào hiện hữu riêng biệt; do đó, nó không khác biệt về bản chất hoặc cơ bản với các bộ phận của nó. Bởi vì chuỗi tràng hạt không hiện hữu tách biệt khỏi các bộ phận của nó, nên nó không phụ thuộc vào các bộ phận của nó bởi tự tính, cũng như các bộ phận vốn dĩ không phụ thuộc vào nó. Ngoài ra, các hạt vốn không thuộc về chuỗi tràng hạt. Tương tự như vậy, vì hình dạng của chuỗi tràng hạt là một trong những đặc tính của nó, nên hình dạng này không phải là chuỗi tràng hạt. Cũng vậy, tập hợp các hạt và dây xâu chuỗi là cơ sở phụ thuộc vào việc chuỗi tràng hạt được gán đặt hay không; do đó, nó (tập hợp đó) không phải là chuỗi tràng hạt. Nếu tìm kiếm theo cách này thì không thể tìm được chuỗi tràng hạt như bất kỳ biên nào trong bảy biên. Hơn nữa, nếu đi tìm các hạt riêng lẻ như trên, nghĩa là, như một với các bộ phận của chúng, hoặc khác với các bộ phận của chúng, v.v..., thì chúng cũng không thể được tìm thấy. Hơn nữa, vì rừng, quân đội, lục địa và quốc gia được quy cho sự kết hợp của nhiều thành phần, nên khi mỗi phần được phân tích xem nó là cái này hay không là cái kia, thì nó hoàn toàn không thể được tìm thấy.

### **Tính không của các tướng trang, các yếu tố đại chúng, luân hồi và Niết bàn, chúng sinh và chư Phật**

Hơn nữa, điều cực kỳ rõ ràng là tốt và xấu, cao và thấp, lớn và nhỏ, kẻ thù và bạn bè, cha và con, v.v... tất cả đều là sự gán đặt của cái này dựa trên cái kia. Cũng vậy, đất, nước, lửa, gió, v.v... đều được gán đặt tùy thuộc vào các bộ phận của chúng. Không gian được gán đặt tùy thuộc vào các bộ phận của nó biến khắp các phương. Ngoài ra, chư Phật và chúng sinh, luân hồi và niết bàn, v.v... chỉ được gán đặt tùy thuộc vào các bộ phận và cơ sở gán đặt của chúng.

### **Tính không của sanh**

Điều phổ biến như 'Quả được tạo ra từ nhân', vì sự sinh ra có mặt [một cách quy ước]. Tuy nhiên, chúng ta hãy phân tích ý nghĩa của sự sinh ra. Nếu quả được sinh từ vô nhân, chúng sẽ luôn được sinh hoặc sẽ không bao giờ được sinh ra. Nếu chúng được sanh từ chính chúng, thì sẽ là vô nghĩa đối với cái đã có bản chất riêng của nó lại được sanh nữa; và nếu cái đã được sanh lại được sanh lại lần nữa, thì sẽ có lỗi của việc sanh rồi lại sanh một cách vô tận. Nếu quả được sanh từ những thứ khác hơn chính chúng, thì chúng sẽ được sanh ra từ mọi thứ, cả từ những gì theo danh ngôn quy ước được coi là nhân và từ những cái không là nhân [vì cả hai đều tương đương nhau]. Hoặc, sẽ mâu thuẫn với việc quả phụ thuộc vào nhân [vì hoàn toàn tách biệt nên chúng không thể tương quan với nhau]. Được sanh ra từ cả hai: chính nó và cái khác là không thể [vì lỗi trong cả hai quan điểm này đã được trình bày riêng biệt ở trên].

Vì thế, nếu đi tìm ý nghĩa gán cho 'sanh' thì sanh không có thành lập. Như ngài Long Thọ trong *Căn Bản Trung Quán Luận Tụng* (I. 1) có nói:

Bất kỳ pháp nào ở đâu  
Chưa bao giờ được sinh  
Từ chính nó, từ cái khác,  
Từ cả hai, hoặc vô nhân.

### **Tính không của nhân quả**

Mặc dù lẽ thường ai cũng biết [và đúng theo quy ước] rằng nhân sẽ sanh ra quả, chúng ta hãy phân tích quả này. Nếu quả được sanh vốn đã hiện hữu thì làm sao có thể đúng khi những cái đã hiện hữu lại được cái mới sanh? Bởi vì, không cần có nhân để tạo ra nó một lần nữa. Nói chung, nhân thường mới tạo ra cái chưa được sanh hoặc cái không tồn hữu vào thời điểm nhân của nó có mặt. Tuy nhiên, nếu cái vô sanh vốn thực là vô sanh thì nó không khác với vô; do đó, làm sao nó có thể phù hợp với việc sanh từ nhân? Như Ngài Long Thọ nói trong *Bảy Mười Bài Kệ Về Tính Không* (Sunyatasaptati):

Bởi nó hiện hữu, thì không sinh sự hiện hữu;  
Bởi nó không hiện hữu, thì không sinh sự không hiện hữu.

### **Các pháp là trống rỗng vì các pháp đều là phụ thuộc duyên khởi, và ngược lại.**

Nói tóm lại, khi có mặt của pháp nào đó, nhất thiết phụ thuộc vào nhân, duyên và những cái khác, thì là mâu thuẫn với việc nó tự có độc lập. Bởi vì, sự độc lập trái nghịch với sự phụ thuộc vào cái khác. *Kinh Những Câu Hỏi Của Long Vương Anavatapta* (Anavataptanagarajapariprccha) có nói:

Cái gì sinh từ nguyên nhân thì chẳng sinh,  
Nó không có tự tính của sinh.  
Cái gì phụ thuộc vào nguyên nhân thì cái đó gọi là không  
Người nào hiểu tính không là người cảnh giác.

Trong *Căn Bản Trí Tuệ Luận* của Bồ tát Long Thọ có nói:

Vì chẳng có pháp nào  
Không phải là duyên khởi,  
Vì chẳng có pháp nào  
Không phải là tính không.

Ngài Thánh Thiên trong *Luận Bốn Trăm Bài Kệ* [Tứ Bách Luận] (Catuhsataka, XIV. 23) có nói:



Pháp nào phụ thuộc duyên khởi  
Thì pháp ấy không tự tại  
Vì tất cả pháp không tự tại này  
Không gọi chúng là có cái ngã.

Bởi vì nền tảng nguồn gốc hoặc bản chất của các pháp chẳng phải là rỗng không, thì tuyệt đối không thể có sự chuyển đổi phụ thuộc vào điều kiện của nhiều loại hiện tượng sự vật. Nếu trên nền tảng căn bản mà chúng có mặt thì bất kể chúng là có bản chất thế nào, tốt hay xấu v.v..., làm sao chúng có thể thay đổi được? Chẳng hạn, nếu một cây ăn quả tốt vốn có tự tính thực thể của chính nó hoặc nền tảng bên trong của nó, thì làm sao nó có thể là thật khi nó trở nên trơ trụi và xấu xí? Nếu hiện tại như cách thức xuất hiện của những thứ này trong tâm thức của chúng ta là cách thức tồn tại chính xác bên trong của chính chúng, thì làm sao chúng ta có thể bị lừa dối? Ngay cả trong thế giới bình phàm, có rất nhiều khác biệt giữa sự trình hiện và thực sự tồn tại như chúng là. Vì từ vô thủy bị vô minh làm nhiều loạn tâm thức nên bất kỳ sự trình hiện nào đều là trình hiện trên tự tính thực có. Nhưng nếu những đối tượng đó thực tướng tốt cùng thì nền tảng tốt cùng của chúng sẽ đúng như chúng hiển hiện. Trong trường hợp đó, khi ta tìm kiếm cơ sở thực có của pháp đó bằng phân tích thì cơ sở tuyệt cùng cứu cánh đó chắc chắn sẽ trở nên rõ ràng hơn. Lỗi nằm ở đâu mà khi tìm kiếm thì không thấy và nó dường như biến mất?

Hơn nữa, nếu các pháp có thực thể, thì sẽ như ngài Nguyệt Xứng nói trong *Luận Chú giải* (VI.34-36):

Nếu nói tự tướng nương vào duyên sanh,  
Bác bỏ chúng là hoại diệt các pháp.  
Tính không trở thành nguyên nhân hoại diệt pháp,  
Điều này vô lý, cho nên các pháp không thật có.

Bởi vì quán sát phân tích các pháp này,  
Không tìm thấy nơi an trụ nào  
Vượt ngoài bên kia chân thật tính  
(không thực có sinh hay diệt) nơi pháp thế gian,  
Do đó, không nên phân tích sự thực danh ngôn - thế tục đế.

Khi ấy dùng lý luận phân tích đều không hợp lý  
Sinh từ chính mình và từ cái khác  
Lý luận trên danh ngôn quy ước cũng vô lý  
Làm sao (thành lập) cái sinh (thực có) của bạn?

Vì vậy, ngài Nguyệt Xứng nói rằng nếu các pháp có tự tướng - đặc tính hay bởi tự tính thì sự thiên định đẳng trì của bậc Thánh chứng biết tính không sẽ dẫn đến hậu quả làm hủy hoại các pháp này. Cũng sẽ dẫn đến hậu quả: tục đế - chân lý thuộc về danh ngôn ước lệ có thể chịu đựng được sự phân tích hợp lý. Cũng như hậu quả là không thể phủ nhận được sự sinh ra trong thẳng nghĩa. Ví dụ, *Kinh Bát Nhã Hai Mươi Lăm Ngàn Câu Kệ* (Pancavimsatisdhasrika-prajnaparamita) nói, “Ở đây, này Xá Lợi Phất, khi đại Bồ tát ma ha tát (Boddhisattva Mahasattva) thực hành sâu xa trí tuệ bát nhã, sẽ không thấy Bồ tát là chân thật... Tại sao? Xá Lợi Phất, nó là như vậy, Bồ tát cũng rỗng không về tự tính thực thể của Bồ tát; danh hiệu của Bồ tát cũng rỗng không danh hiệu của Bồ tát. Tại sao vậy? Đó là tự tính của chúng. Nó như thế này: tính không chẳng phải là sắc rỗng không, sự suy hoại của sắc cũng không phải là tính không; chính không cũng là sắc, chính sắc cũng là không.

Hơn nữa, Phạm Ca Diếp - Kasyapa trong *Kinh Bảo Tích* (Ratnakuta) nói, ‘Tính không làm cho các pháp rỗng không, tự bản thân các pháp là trống rỗng.’ Và nhiều kinh điển dạy rằng các pháp đều là không có bản chất thực thể, “tự không” theo như ý nghĩa của rỗng không tự tính của chúng là sai.) Do đó, mọi pháp là không thực có hoặc không có cơ sở căn bản của nó.

### **Tính không không có nghĩa là đoạn biên**

Hỏi: Nếu một con người thật và một con người trong mộng, sắc và ảnh hiện (trong gương), một vật thật và một bức tranh đều giống nhau ở chỗ khi tìm thì không thấy chúng; chẳng phải là không có sự khác biệt giữa chúng sao? Sẽ không có sự khác biệt nào về chân thực, sự giả dối, v.v... của chúng. Như vậy, việc tìm kiếm quan kiến về tính không sẽ có ích lợi gì? Bởi vì, người tìm và chính quan kiến đó là không khác với sự không tồn tại.

Đáp: Đây đụng đến một điểm khó và cực kỳ nguy hiểm cho những người trí tuệ nông cạn chưa chín muồi có thể rơi vào đoạn kiến - quan điểm hư vô, vì điểm vi tế này. Bằng phương tiện thiện xảo cứu hộ những người thiếu trí này, các bậc thầy trong Trung quán tự tục phái (Svatantrika-Madhyamika) như ngài Thanh Biện - Bhavaviveka và các học trò của ngài [Trí Tạng - Jnanagarbha, Tịch Hộ - Santaraksita, Liên Hoa Giới - Kamalasila, v.v...], chủ trương dùng lý luận để bác bỏ: Chính đối tượng hình thành thật tướng bất cộng, chứ không được kiến lập qua sự trình hiện của nó trước tâm chánh tri vô hại.

### **Vạn pháp duy tâm gán đặt, nhưng không chỉ duy tâm.**

Hỏi: Nếu công nhận rằng các pháp không tồn tại vì lý do khi truy tìm đối tượng được gán đặt giả lập thì không tìm thấy. Điều này mâu thuẫn tri kiến phổ biến ở thế gian; vì nó đi ngược lại kinh nghiệm trực tiếp - hiện lượng. Kinh nghiệm của chúng ta thừa nhận

có các pháp, tất cả pháp đều bao gồm trong thuật ngữ “thế giới vật chất” và “hữu tình thế giới”; và phát sinh nhiều dạng như lợi ích và tổn hại, lạc và khổ. Vì vậy, ý nghĩa về sự tồn tại mà không thể tìm thấy những thứ như bản ngã và cái khác, thế giới vật chất và thế giới hữu tình, khi chúng ta đi tìm những tiêu biểu đại diện cho sự đa dạng của chúng tồn tại đó là gì?

Đáp: *Kinh Bát Nhã Hai Mươi Lăm Ngàn Bài Kệ* nói: ‘Như vậy: “Bồ tát” này chỉ là một danh xưng; “Trí tuệ ba la mật” này chỉ là một cái tên; những “sắc”, “thọ”, “tưởng”, “hành” và “thức” này chỉ là những cái tên. Như vậy: sắc giống như huyền thuật. Thọ, tưởng, hành và thức đều giống như huyền thuật. Huyền thuật cũng chỉ là những cái tên; chúng không trụ ở nơi nào; chúng không trụ ở các hướng. Tại sao? Như vậy là: những cái tên là hư giả và gán cho từng pháp, cái tên ngẫu nhiên gán đặt danh ngôn thuật ngữ. Tất cả tên gọi này lập thành danh ngôn thuật ngữ.

Khi vị đại Bồ tát quán sát trí tuệ bát-nhã ba-la-mật, vị ấy không thấy các danh là thật có. Bởi vì vị ấy không thấy chúng là thật nên vị ấy không dính mắc vào chúng. Hơn nữa, này Xá Lợi Phất, khi vị đại Bồ Tát quán sát trí tuệ bát-nhã ba-la-mật, vị ấy nghĩ như thế này: từ “Bồ Tát” này chỉ là một danh hiệu; “Bồ đề” này chỉ là một cái tên; “trí tuệ ba la mật” này chỉ là một cái tên; những “sắc” này chỉ là tên gọi; những “thọ”, “tưởng”, “hành” và “thức” này chỉ là những cái tên. Này Xá Lợi Phất, như vậy: “ngã” được gọi là ngã, nhưng nói “cái ngã” này không phải đối tượng có thể nghĩ đến – (ngã vô sở duyên).

Trong nhiều kinh và luận nói các pháp chỉ là tên gọi. Khi đi tìm các đối tượng được gán đặt, chúng hoàn toàn không thành lập trên đối tượng khách quan. Đây là dấu hiệu cho thấy tất cả các pháp không thành lập trên đối tượng khách quan. Chỉ dựa vào tâm thức và thuật ngữ danh ngôn mà thành lập. Duy nhất chính điều này các pháp có thể tồn tại.

Hãy để chúng tôi giải thích xa hơn và rõ ràng:

Để một pháp tương đối tục để tồn tại, thì phải thỏa mãn ba tiêu chuẩn:

1. Đối tượng danh ngôn thuật ngữ đó phải phổ biến đối với một tâm nhận thức (pháp quy ước). Tuy nhiên, nếu chỉ phổ biến là đủ tiêu chuẩn [để thành lập sự có mặt của đối tượng thế tục], ắt hẳn 'con trai của một người phụ nữ vô sanh' cũng trở thành thực có,
2. Nó không thể mâu thuẫn với nhận thức có giá trị về đối tượng quy ước. Bởi vì nhận thức có giá trị đối với pháp quy ước tương đối không thể bác bỏ thực có tự tính. [nếu không thì nó sẽ tồn tại quy ước tương đối chỉ bằng hai tiêu chí trên],
3. Nó không thể bị bác bỏ bởi sức mạnh trí tuệ bằng chứng cứ phân tích đến tận cùng.

Do đó, vạn pháp không phải chỉ tồn tại nhờ vào chủ thể đối tượng (tâm thức) quy ước danh ngôn thuật ngữ, mà là bản chất thực có của đối tượng đó rằng không là ý nghĩa hoặc tiêu chuẩn thành lập của cái bị phủ định những gì là tính không. Nó còn được gọi

là “ngã” hay “đối tượng bị lý luận phủ nhận”. Bởi vì tâm chấp (thực thể) tuyệt đối chưa từng tồn tại là thực có, gọi là vô minh. Nói chung, có nhiều loại vô minh đơn thuần: tuy nhiên, điều đang được giải thích ở đây là vô minh, vốn là gốc rễ của luân hồi, đối nghịch với trí tuệ nhận biết vô ngã. *Bảy Mười Không Tính Luận* của Thánh hộ chủ Long Thọ nói:

Tư duy phân biệt chân chính  
Các pháp sinh từ nhân duyên  
Phật nói ấy là vô minh  
Mười hai chi phần sinh từ đó.

### **Không tính của Tính Không**

Hỏi: Vì tính không là chân lý tối hậu, vậy bản thân tính không có hiện hữu không?

Đáp: Tính không là cách tồn tại, hay phương thức hiện hữu cứu cánh của pháp đúng như nó là. Vì thế, nếu không có hữu pháp - choechen thì không thể có pháp tính – tính không của hữu pháp đó. Tương quan với tính không mà thiết lập hữu pháp, tương quan với hữu pháp mà thiết lập tính không. Cũng như khi phân tích một pháp được xác định bởi bản chất trống rỗng thì không tìm thấy nó, cũng vậy, không thể tìm thấy được pháp này khi phân tích chính bản tính trống rỗng nó. Do đó, khi chúng ta tìm ý nghĩa gán lập cho là “pháp tính” thì chính cái bản chất trống rỗng này cũng không được tìm thấy. Nó chỉ tồn tại thông qua năng lực của việc đã gán đặt chủ quan mà không thông qua phân tích. Vì thế, nó không tồn tại vốn có. Chương thứ mười ba trong *Căn Bản Trí Tuệ Luận* của ngài Long Thọ (XIII. 7-8) nói:

Nếu pháp có thể tồn tại mảy may  
Tính không có thể tồn tại mảy may  
Nếu pháp cứu cánh không  
Không tính làm sao có?

(bất cứ thứ gì phi rỗng không tồn tại, thì  
Một cái gì đó rỗng không cũng sẽ tồn tại;  
Nếu phi rỗng không không hề tồn tại  
Thì làm sao cái rỗng không có thể tồn tại?)

Chư Phật dạy tính không  
Đẻ triết tiêu mọi quan kiến (làm lạc);  
Ai xem tính không [như là thực có]

Phật nói người đó không thể điều trị/ hết thuốc chữa.

Cũng vậy, *Xung Tán Xuất Thế* của ngài Long Thọ nói:

Vì đoạn trừ tất cả tâm phân biệt

Dạy về tính không cam lộ

Ai dính mắc vào đó [thực có]

(Bị [Đức Phật] quở trách,)

Các người rất thấp kém.

Do đó, chẳng hạn như khi khảo sát một cái cây thì không tìm thấy cái cây, nhưng thấy được phương thức tồn tại hay tính không của nó. Sau đó, khi tính không đó được khảo sát bản chất của tính không thì cũng không thấy cả tính không, nhưng lại thấy tính không của tính không đó. Đây gọi là tính không của không tính. Vì vậy, cái cây là thể tục đế - sự thật tương đối, và phương thức tồn tại - thật tướng của nó là thắng nghĩa đế - sự thật tối hậu. Hơn nữa, khi sự thật tối hậu đó trở thành nền tảng của khảo sát và khi phương thức tồn tại của nó được gán đặt, thì sự thật tối hậu đó trở thành nền tảng của định tính liên quan đến phẩm tính đó là phương thức tồn tại của nó. Vì vậy, thậm chí còn có giải thích rằng trong những trường hợp này, tính không cũng có thể được xem như một chân lý tương đối.

Mặc dù nói rằng không có sự khác biệt về bản chất giữa các tính không, nhưng có thể các tính không được chia thành hai mươi, mười tám, mười sáu hoặc bốn tính không tùy theo điểm tinh yếu trên nền tảng thuộc tính của tính không. Tóm lại, tất cả đều được bao gồm trong hai loại này: nhân vô ngã và pháp vô ngã.

### **Tính không cũng là một chân lý tương đối khi được cụ thể hóa**

Hỏi: Khi tâm đã hiểu chắc chắn về tính không thì tính không xuất hiện trong tâm như thế nào?

Đáp: Cách hiểu tính không là không có gì cả, hoặc có nhưng vào thời điểm đó xuất hiện tính không đoạn diệt của cái chẳng có gì hiện hữu, thì cách hiểu này đều không phải hiểu biết chính xác về tính không. Hoặc sau khi đã hiểu nghĩa lý của tính không là phủ định “đối tượng bị bác bỏ - khakja”, nhưng lại cho rằng sự phủ định “đối tượng bị bác bỏ - khakja” là đối tượng nương tựa.<sup>4</sup> Rồi cho rằng chúng biết chắc chắn về ‘sự phủ

---

<sup>4</sup> E: Nếu người ta có tri kiến sai lầm về tính Không, đánh đồng tính không là hư vô, thì đây không phải là sự xác quyết về tính không. Hoặc, ngay cả khi người ta đã phát triển hiểu biết đúng đắn về tính không chỉ là không có sự tồn tại cố hữu, nhưng, khi sự trống rỗng vốn không có sự tồn tại cố hữu xuất hiện thì tiếp đó người ta có thể đánh mất sự

định đó' là đối tượng của thiên quán về quan kiến, sẽ trở thành nguy hiểm là thiên quán về tính không có thực thể. Đây không phải là hiểu chính xác về tính không. Như *Bát Nhã Nhiếp Tung* nói: "Bồ tát chứng biết 'các uẩn này gọi là không' tức là hoạt hành trong những biểu hiện quy ước mà chẳng tin nơi vô sinh".<sup>5</sup>

### Tính không là một phủ định phi-xác định

Hơn nữa, "tính không" là phản xác định về đối tượng của sự phủ định དགག་བྱ་བ་ཅད་ཚོགས་. Có hai loại phủ định དགག་བྱ་བ་: Mayin-khak མ་ཡིན་དགག་པ་ phi giá/phủ định – Mekhak མེད་དགག་ vô giá/khẳng định. Trong đó, sự loại trừ một đối tượng bị phủ định là ngụ ý dẫn đến xác định một đối tượng khác gọi là Mayin-khak མ་ཡིན་དགག་པ་ phi giá/phủ định (trong đó một pháp xác định khác được ngụ ý thay thế cho đối tượng phủ định,); và sự loại trừ một đối tượng bị phủ định mà không ngụ ý dẫn đến xác định một đối tượng khác gọi là Mekhak མེད་དགག་ vô giá/ phủ định - không khẳng định (khẳng định là không có pháp xác định nào được ngụ ý thay cho đối tượng phủ định). Tính không là trường hợp của cái thứ hai.

Do đó, tâm chứng ngộ tính không là cần phải xác quyết དགག་བྱ་བ་བཀག་ཅུ་ chỉ bác bỏ đối tượng phủ định. Những gì xuất hiện trong tâm là một sự trống rỗng rõ ràng với duy nhất ý nghĩ, 'Những thứ bây giờ đang xuất hiện trong tâm ta như chắc thật này tuyệt đối không tồn tại.' Tâm chứng biết chính xác tính không là biết các đối tượng của nó không có tự tính thực thể hay không thật có, chính là tính không. Trong *Nhập Bồ Tát Hạnh* của ngài Tịch Thiên (IX. 34-35) nói:

Đến khi hết vấp phải  
Bất cứ hiện hữu nào  
Mà có thể phủ nhận  
Thì cái không-hiện-hữu  
Cũng tan biến trong tâm.

Khi cái có, cái không

---

hiểu biết ban đầu. Sự trống rỗng này sau đó trở thành chỉ là tính hư vô so với hiểu biết ban đầu phủ định sự tồn tại cố hữu đã hoàn toàn không còn nữa.

<sup>5</sup> E: Vì thế, đây cũng không phải là sự xác quyết về tính không. Ngoài ra, ngay cả khi ý nghĩa của tính không đã được khẳng định, nhưng ý nghĩ, 'Đây là tính không' xuất hiện, thì người ta đang nhận thức sự tồn tại của tính không là điều khẳng định. Do vậy, ý thức đó lúc trở thành chủ thể nhận thức có giá trị/chánh lượng tương đối chứ không phải là sự xác quyết về tính không. *Bát Nhã Tâm Kinh* (Sancayagatha-prajnaparamita) nói, 'Ngay cả khi một vị Bồ-tát nhận ra, "Các uẩn này là không," thì ngài ấy đang hành trì theo những biểu hiện tương đối và không có đức tin vào trạng thái phi tạo tác.'

Không còn khởi trong tâm  
Thì đâu còn cái gì  
Có thể khởi lên nữa  
Và tâm thật thanh tịnh.<sup>6</sup>

Nếu tính không chẳng phải là མེད་དགག་ phủ định - không khẳng định mà là མ་ཡིན་དགག་ một phủ định - khẳng định ám chỉ một pháp khác hay bản thân một pháp xác định, thì tâm thức nhận biết nó sẽ nghĩ tưởng [về một thực thể] hoặc sẽ liên quan đến các tướng trạng [của hiện tượng quy ước tương đối]. Do đó, không thể loại trừ sự phát sinh của tâm chấp thủ về thực thể hiện hữu. Trong trường hợp đó, trí tuệ chứng biết không tính này, không thể đối trị tất cả tâm chấp thực và cũng không thể loại trừ các chướng (ngại đối với giác ngộ). Vì ý này, ngài Tịch Thiên trong *Nhập Bồ Tát Hạnh* (IX. 110-111):

Câu hỏi: Nếu dùng một nhận xét  
Để tiếp tục nhận xét  
Cái đã được nhận xét  
Thì quá trình nhận xét  
Không bao giờ chấm dứt.

Trả lời: Nếu đối tượng nhận xét  
Không còn cơ sở nào  
Cho nhận xét tiếp theo  
[Vì nó thật trống rỗng]  
Thì cái tâm nhận xét  
Không còn nương vào đâu  
Để có thể tồn tại  
[Vì hết sạch đối tượng]  
Tâm cũng không sinh nữa  
Đây chính là Niết Bàn.<sup>7</sup>

Do đó, khi nhận xét chính xác đối tượng về tự ngã, cái khác vốn có tự tính bản thể hoặc có thực thể đã được an tịnh/không còn nữa, và chúng ta trở nên quen thuộc với điều này thì các đối tượng được thấy là ngã, những cái khác và v.v... trong lúc chúng không hiện hữu mà vẫn xuất hiện một cách giả dối hư nguy giống như huyền thuật ảo hóa hay như giấc mộng.

---

<sup>6</sup> Nhập Bồ Tát Hạnh – Ni Sư Trí Hải dịch.

<sup>7</sup> Nhập Bồ Tát Hạnh – Ni Sư Trí Hải dịch.



## Các kết quả của việc chứng biết tính không

### Lợi ích của việc chứng biết tính không: không bị sự trình hiện đánh lừa

Hỏi: Dấu ấn hay lợi ích của sự xác quyết về tính không là gì?

Đáp: *Căn bản Trí Tuệ Luận* của ngài Long Thọ (XXIV. 18) nói:

Cái gì phụ thuộc duyên khởi

Tôi nói cái đó là không

Nó là gán đặt phụ thuộc

Nó chính là trung đạo.

Vì thế, chúng ta chứng biết sự an tịnh, vắng mặt bản thể thực có là ý nghĩa của phụ thuộc duyên khởi. Sau đó, chúng ta lãnh hội ý nghĩa của duyên khởi là vì nó vắng mặt một thực thể. Nhờ sức mạnh đạt được sự hiểu biết xác quyết rằng tính không và duyên khởi đi đôi và cùng hỗ trợ cho nhau. Qua nhận thức có giá trị đối với các pháp quy ước không sai lầm (tương đối của danh ngôn thuật ngữ phổ thông) ta có thể đứng như lý tiếp nhận vào hoặc xả bỏ những gì cần thiết trên phương diện chỉ là tên gọi giả danh.

Những tâm điên đảo sai lầm như tham, sân, v.v... phát sinh bởi sức mạnh dính mắc chấp thật có trên đối tượng không phải là chỉ danh xưng tên gọi, sẽ dần dần trở nên yếu đi và cuối cùng có thể bị loại bỏ. Chúng ta hãy giải thích điều này một chút. Nếu trải nghiệm thực tế về quan kiến tính không đã sinh khởi, chúng ta có thể nhận diện bằng cảm nhận của mình rằng bất kỳ đối tượng nào hiện đang trình hiện trong tâm [mắt, tai, v.v...], tất cả chúng dường như là thực có. Khi đó chúng ta có thể nhận diện làm thế nào phát sinh tâm chấp thực vào lúc chú tâm mạnh mẽ vào cảnh – thì tâm đó dính chặt cảnh trình hiện, và cho cảnh đó là thực. Sau đó, chúng ta sẽ trải nghiệm được bất kỳ phiền não nào được sanh ra, chẳng hạn như tham, sân, v.v..., tâm chấp thực làm điều kiện cơ bản. Hơn nữa, chúng ta sẽ xác định rõ ràng rằng chấp thực này là thức sai loạn điên đảo đối với cảnh dính chặt hiện trước nó; và cách chấp chặt của tâm này là không có chỗ dựa vững chắc được hỗ trợ đằng sau - hậu thuẫn của cái thức có giá trị. Ngược lại, chúng ta đạt đến thấu hiểu sâu xa rằng: tâm chứng biết vô ngã và tâm không điên đảo sai lầm và cách nắm bắt đối tượng của nó có chỗ dựa vững chắc được hỗ trợ đằng sau - hậu thuẫn của cái thức có giá trị.



Do đó, Pháp Xứng luận sư trong *Thích Lượng Luận* (Pramanavarttika, Chương I) chú thích về (ngài Trần Na) nói:

Tâm xác quyết và tâm phóng đại sai loạn

Là bản chất của cái tổn hại và cái bị tổn hại.

Và (Chương I):

Tất cả [lỗi như tham muốn] đều có hướng ngược lại/

Sự đối trị [trí tuệ chứng vô ngã]

Sự tăng và giảm của chúng tùy thuộc [vào sự tăng giảm của trí tuệ đó].

Vì vậy, nhờ tu tập quen thuộc chuyển tâm thành bản chất của trí tuệ

Tôi chuyển hóa, lậu hoặc này bị tiêu trừ.

Cách nắm giữ của hai tâm có sự đối nghịch trực tiếp: tâm không chấp thực - chủ thể gây tổn hại và tâm chấp thực - đối tượng bị tổn hại. Vì vậy, việc bên này mạnh lên thì bên kia yếu đi là điều đương nhiên.

Trong *Xưng Tán Pháp Giới* (Dharmadhatustotra) của ngài Long Thọ nói:

Ví như lửa làm sạch vải

Bị nhiều vết bẩn làm bốc mùi

Đem đặt vào trong lửa

Đốt cháy mùi nhơ mà không cháy vải.

Cũng như ánh sáng tâm quang minh

Có mùi dơ của tham dục, v.v...

Lửa trí tuệ đốt cháy phiền não

Nhưng không đốt cháy ánh sáng.

Đức Phật Di Lặc trong *Bảo Tính Luận* (Uttaratantra) nói:

Vì Phật thân viên mãn chiếu khắp (đến tất cả chúng sinh)

Vì chân như không thể phân chia (tính Phật với chúng sinh)

Vì chúng sinh có dòng giống

Thường có Phật tính – Như Lai tạng.

Cho nên, không chỉ bản chất thắng nghĩa của tâm không thể bị ô nhiễm bởi những nhiễm ô; mà cả bản chất thế tục của tâm, chỉ biết và chỉ sáng suốt của nó, cũng không bị ô nhiễm bởi những nhiễm ô. Vì thế, tâm có thể trở nên tốt hơn hoặc xấu đi, và nó

cũng có thể cải đổi chuyển hóa. Tuy nhiên, cho dù người ta có rèn luyện những tâm xấu cho việc hỗ trợ cái tâm chấp thực đến đâu, chúng cũng không thể phát triển đến vô hạn.

Ngược lại, nếu luyện tập quen với những tâm tốt được nhận thức có giá trị hỗ trợ vững chắc ở đằng sau, và có thể phát triển vô hạn. Trên cơ sở lý do này, chúng ta có thể chắc chắn rằng những cấu nhiễm trong tâm có thể loại bỏ. Như vậy, pháp tính - bản chất thẳng nghĩa của tâm đã loại bỏ những nhiễm ô tạp nhiễm trên tâm thì khi đó chúng sẽ không bao giờ sanh khởi nữa là giải thoát. Vì vậy, có thể đạt được giải thoát. Không những chỉ có thể loại bỏ hết ô nhiễm của phiền não, mà còn có thể diệt trừ sạch hết tạp khí của phiền não. Vì vậy, pháp tính của tâm đã loại trừ sạch hết tất cả nhiễm ô và tạp khí phiền não, có thể đạt được vô trụ xứ niết bàn hoặc chứng Pháp thân. Điều này có thể tìm được sự xác quyết để chứng minh rằng có quả vị ‘giải thoát’ và có ‘nhứt thiết chủng trí’.

### **Từ đây chúng ta phát khởi tín tâm vào những lời dạy khác của Đức Phật**

*Trung Quán Căn Bản Trí Tuệ Luận* của ngài Long Thọ (Chương I, Khai Luận) nói:

Cái gì duyên khởi:

Không diệt, không sinh

Không đoạn, không thường

Không đến, không đi

Không khác; không một

Dập tắt hý luận, tịch tĩnh

Con xin đảnh lễ Đức Phật toàn giác

Là bậc Thầy tối thượng

Giữa các bậc thuyết giáo.

Đức Phật Thế Tôn bằng tuệ giác tự tại của Ngài đã dạy lý duyên khởi này, bằng lý do phụ thuộc duyên khởi, nên hiển bày bản chất tính không của các pháp là thoát khỏi “tám biên” của diệt, sinh, v.v... Vì vậy, đức Thế Tôn được xem là Đấng đáng tin cậy - sỹ phu lượng, thuyết dạy phương pháp không sai lạc về quyết định thiện (giải thoát và toàn giác). Và cũng có thể thấy biết đức Thế Tôn đã chỉ dạy phương pháp không sai lầm để được sinh về cõi cao (cõi người và cõi trời).

Ngài Pháp Xứng trong *Thích Lượng Luận* (Chương I):

Bởi vì [được thiết lập bằng sự suy luận thông thường rằng Lời Phật dạy] ý nghĩa chủ yếu [Tứ Thánh Đế] không nhầm lẫn,

[Tương tự, lời Phật dạy] có thể được suy luận ra [là cũng không nhầm lẫn] đối với [nhưng chủ đề cực ẩn tế khác].

Cũng vậy, trong *Bốn Trăm Câu Kệ* của ngài Thánh Thiên (Chương XII):

Đức Phật dạy ẩn tế phần (pháp thậm thâm)

Nếu ai sinh lòng hoài nghi

Nên dựa vào (lời dạy thâm sâu của ngài) không tính

Sẽ tin rằng đức Phật duy nhất (là Bạc giác ngộ).

Tóm lại, thông qua sự hiểu biết kinh điển của Đấng Chiến Thắng cũng như các luận giải, nhằm đạt được cõi cao và quyết định thiện, chúng ta sẽ phát khởi tín tâm vào chúng. Qua đó, nhờ nhận thức có giá trị dẫn dắt, chúng ta khởi sinh tín tâm và sự tôn trọng chân thành đối với Đấng Đạo sư, đức Phật Thế Tôn, và các đệ tử Ngài là các vị đại Luận sư học giả thánh địa Ấn Độ. Tương tự, chúng ta cũng phát khởi tín tâm kiên cố, không lay động và tôn trọng đối với các bậc thiện tri thức đang hướng dẫn chúng ta trên con đường không sai lạc và đối với Tăng đoàn thực hành đúng như con đường của đức Thế Tôn đã đi. Ngài Nguyệt Xứng nói trong *Bảy Mươi Câu Kệ về Tam Quy Y* (Trisaranasaptati) như sau:

Phật, Pháp và Tăng già,

Là nơi quy y của những ai truy cầu giải thoát.

Vì vậy, chúng ta dễ dàng khởi sinh sự chắc chắn rằng Tam quy y là nơi quy y duy nhất cho những ai mong muốn giải thoát. Như thế ta chán ngán bị đau khổ, muốn quy y nơi Tam bảo và muốn khởi sinh khát vọng giải thoát một cách kiên cố và bền bỉ, nghĩ rằng “Giá như tôi có thể đạt được giải thoát!” Tương tự, hiểu được nỗi khổ của hữu tình từ sự trải nghiệm khổ đau của chính mình, chúng ta sẽ khởi sinh mong muốn họ cũng đạt được giải thoát, nghĩa là, giải thoát khỏi khổ đau và đạt được toàn giác. Để đạt được điều này, phải phát tâm Bồ đề cực kỳ kiên định và mạnh mẽ mong muốn đạt được giải thoát cho chính chúng ta sẽ sinh ra.

### **Ba cấp độ của động cơ**

Nếu động cơ của chúng ta là theo hàng Thịnh văn, chỉ truy cầu giải thoát khỏi luân hồi cho chính mình, trình tự là như sau. Trước tiên, chúng ta sinh tâm chán yếm ly (khổ đau trong luân hồi) và thọ trì giới luật của người tại gia hoặc của người xuất gia. Trên cơ sở nền tảng giới luật, học hỏi, tư duy và tu tập quen dần với quan kiến tính không vi tế, thâm sâu tại thời điểm ở Tư lương đạo. Thông qua đó, nhận thức quan kiến của chúng ta dần dần phát triển thành trí tuệ nảy sinh từ thiên tập – tư huệ sinh nhờ vào sự kết hợp thiên tịch chỉ kết hợp với chánh quán chứng nghĩa cộng tướng của tính không, đắc được Gia hành đạo.

Kể đến, theo trình tự chúng ta chứng được không tính trực tiếp, đặc Kiến đạo, đạt được Pháp bảo đạo để. [Do đó, các đạo lộ ở ngữ cảnh này là những trạng thái của tâm thức dẫn đến niết bàn, và] Kiến đạo đối trị đoạn trừ tập đế - sự thực về nguyên nhân của khổ đau chẳng hạn như phân biệt khái niệm chấp thực (biến kế sở chấp thực), v.v..., và khổ đế - (sự thực về khổ) phân thô chẳng hạn như thân uẩn của cõi ác, v.v... theo trình tự đoạn trừ hoàn toàn, chúng ta bắt đầu đạt được diệt đế - sự thực về diệt trừ khổ đau. Sau đó, nhờ “tu đạo” đã thiên tập quen thuộc với kiến đế - thấy được sự thật, như sự chứng đạt tính không trước đây tuân tự chứng được “Diệt đế” đoạn trừ triệt để các phiền não cấu sanh phần thô - bản năng tiềm tàng cho đến chủng tử hạt giống của phiền não. Cuối cùng, (giai đoạn Tu đạo) loại bỏ hoàn toàn phiền não vi tế nhất cùng với nguyên nhân - chủng tử của chúng, đạt giải thoát. Lúc đó hoàn thành các đạo lộ của [Tiểu thừa] đạt được vô học đạo, đặc A la hán tiểu thừa, (chiến thắng kẻ thù khái niệm phân biệt chấp có thực thể).

Với động cơ phát tâm Bồ đề vì lợi lạc của hữu tình, chúng ta phát triển trí tuệ theo trình tự về văn, tư và tu hướng đến nghĩa của tính không, với sự hỗ trợ của các phương tiện như là bố thí, v.v... [nhẫn nhục, trì giới, tinh tấn, thiền định, trí tuệ]. Quan kiến ngày càng trở nên thâm sâu vi tế, và khi chứng đạt trực tiếp tính không thì sẽ đắc được (kiến đạo) trí tuệ của địa thứ nhất – sơ địa của Đại thừa; và hoàn thành viên mãn tư lương của Đại-a-tăng-kỳ-kiếp thứ nhất. Như trên đã giải thích, lúc ban đầu chứng đạt diệt đế trực tiếp, là đoạn trừ triệt để tâm phân biệt khái niệm chấp thực, v.v... Sau đó, tích lũy tư lương (phước và trí) của Đại-a-tăng-kỳ-kiếp thứ hai trong cả bảy địa bất tịnh của Bồ tát.

Vào thời điểm của ba thanh tịnh địa, bắt đầu đoạn trừ dần của sở tri chướng, tập khí – thói quen chấp thực và những thói quen xấu ác vi tế do phiền não tác động. Khi đó, không chỉ tích lũy tư lương của Đại-a-tăng-kỳ-kiếp thứ ba đã hoàn tất viên mãn, mà còn đắc được Pháp thân diệt đế trong việc đoạn trừ toàn triệt tất cả các loại lỗi lầm, cấu nhiễm, tức là đồng một lúc chứng đạt cả ba Pháp thân, Báo thân, và Hóa thân và đạt được quả vị Phật đầy đủ công đức cứu cánh viên mãn cả ba: từ bi, trí tuệ và dũng (sức mạnh).

Hơn nữa, nếu tiếp tục khéo rèn luyện tu tập dòng tâm thức (1) tâm nhằm chán yếm ly chân thật, (2) tâm Bồ đề chân thật, (3) chánh kiến về tính không, và khéo tích lũy đầy đủ tư lương phước và trí [từ đó chúng ta có đủ điều kiện bước vào con đường Mật chú]. Hành giả này nương tựa con đường nhanh của Mật chú, thực hành ba con đường tu tập của ba bộ mật thừa ở dưới là phương tiện siêu việt tối thắng để nhanh chóng thành tựu sắc thân của Phật [là chỉ theo các đạo của hiền thừa]; và nhanh chóng đạt được Phật quả nhờ kết hợp thực hành thiền chỉ và thiền quán thực hành du già – yoga, v.v... Hơn nữa, chúng ta tu tập con đường mật thừa thứ tư - vô thượng du già, nhờ đã thực hành các con đường tu tập trước đó, để phân biệt các khí thô, vi tế và cực kỳ vi tế với các tâm thức. Dùng tâm thức cực kỳ vi tế sinh khởi thành bản chất của con đường tu tập - đạo lộ đó tu tập thiền quán thì cực kỳ nhanh chóng chứng được tính không. Đây là đặc thù của Mật thừa (Vì vậy, Vô thượng du già có đặc điểm khác biệt là làm cho đoạn trừ các chướng cực nhanh.)

## Cách “thực hành” tính không

### Cách nuôi dưỡng tri kiến tính không

Chúng ta hãy bàn luận ngắn về cách nuôi dưỡng tri kiến tính không. Thiền tập về tính không để đoạn các chướng với sự hỗ trợ của việc tích lũy công đức to lớn. Hơn nữa, việc tích lũy tư lương phước trí là mục đích lớn lao, phần lớn chúng được gom trong bảy chi phần như: kính lễ, cúng dường, sám hối, tùy hỷ công đức, thỉnh chư Phật thuyết pháp, cầu chư Phật trụ thế và hồi hướng công đức cho tất cả chúng sinh.

Đối với việc tích lũy ruộng công đức, chúng ta có thể thực hành bất cứ điều gì phù hợp căn cơ của mình, hoặc hướng tâm của ta đến Tam bảo tôn quý nói chung hoặc hướng tâm đến bất kỳ đối tượng quy y cụ thể nào mà ta quán tưởng trước mặt. [Để biết điều này, hãy xem Vòng hoa trân quý Lời khuyên quốc vương, 466-85 trong tập 2 của bộ sách này.]

Sau đó, chúng ta khẩn cầu Đấng quy y và xin gia trì cho con phát khởi tri kiến tính không trong dòng tương tục của mình, cách thực hành các thời thiền thực sự như sau.

Nếu ban đầu chúng ta thiền định về vô ngã của cá thể, được cho rằng sẽ thiền dễ dàng hơn vì sai biệt sự-chủ thể [liên tục hiện diện].

Vì thế, chúng ta nên xác quyết rõ cách trình hiện trong tâm như một thiền giả quán trong tâm rằng, 'Bây giờ, tôi đang thiền về tri kiến tính không'. Ta nên xác quyết rõ cái 'tôi' xuất hiện trong tâm như thế nào khi 'tôi' trải nghiệm lạc khổ. Chúng ta cũng nên xác quyết rõ cách nắm giữ dính mắc vào 'ngã'. Dựa vào đó, chúng ta nên phân tích cách thức cái 'ngã' hiện hữu như đã giải thích ở trên. Dần dần sự hiểu biết và kinh nghiệm của chúng ta về tri kiến tính không trở nên sâu sắc hơn, và khi chúng ta tiến hành phân tích vào thời điểm đó, ý nghĩ sẽ khởi lên. 'Cách 'ngã' trình hiện như đã trình hiện trước đó, hoàn toàn không tồn hữu.' Vào lúc đó, chúng ta nên nhất tâm trong một khoảng thời gian vào sự trống rỗng trong sáng đó, vốn chỉ là ངགག་བྱ་བཀག་ཙམ་ phủ định của đối tượng phủ định và sau đó nhập định mà không cần quán sát phân tích. Nếu sự hiểu biết của tâm ta về sự trống rỗng rõ ràng của sự phủ định này hơi lỏng lẻo [và sự trống rỗng này bắt đầu chuyển thành chỉ là chẳng có gì], thì chúng ta lại thực hành thiền quán phân tích về 'ngã' như trước. Do đó, việc luân phiên duy trì phương pháp thiền quán phân tích và thiền định tịch chỉ để chuyển hóa tâm.

Nếu nhờ quán sát phân tích cái ‘ngã’ mà nảy sinh một chút hiểu biết về tính không, thì chúng ta nên quán sát phân tích thức uẩn và sắc uẩn khác phụ thuộc vào cái ‘tôi’ được quy gán. Điều rất quan trọng là phải phân tích kỹ các uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành và thức nói chung và đặc biệt là thức uẩn.

Lại nữa, nhìn chung thì rất khó để nhận diện thực trạng quy ước thế tục của tâm. Một khi nhận diện được bản chất quy ước thế tục của tâm – cái biết và sáng suốt, nhờ vào sự phân tích bản tính của nó, cuối cùng chúng ta sẽ dần dần có thể xác định được bản chất thẳng nghĩa tối hậu của tâm. Nếu điều đó được thực hiện thì sẽ có sự tiến bộ lớn lao không giống bất cứ điều gì khác.

Ban đầu, chúng ta chỉ nên thiền trong nửa giờ. Khi chúng ta đứng dậy sau thời thiền trực tiếp cảm nghiệm nhiều đối tượng tốt và xấu khác nhau xuất hiện, lợi và hại. Khi đó, chúng ta nên phát triển xác quyết càng nhiều càng tốt rằng những pháp này không thực có tự tính thực có và duy chỉ duyên khởi của sự trình hiện như huyền ảo [trong đó chúng dường như chỉ tồn tại với tự tính].

Chúng ta nên thiền theo cách này trong bốn thời chính thức: lúc bình minh, buổi sáng, buổi chiều và buổi tối. Hoặc, nếu có thể, chúng ta nên thiền sáu hoặc tám thời hoặc nhiều hơn, sắp xếp thời gian bằng nhau suốt ngày và đêm. Nếu không thể được thì chúng ta nên thiền trong hai thời buổi sáng và buổi tối. Khi sự hiểu biết và kinh nghiệm của chúng ta về tri kiến tính không trở nên mạnh mẽ hơn một chút, sự xác quyết về tri kiến sẽ nảy sinh một cách tự nhiên trong mọi hoạt động, khi chúng ta đi, đứng, nằm, ngồi. Ngoài ra, vì không có tịch chỉ lấy cảnh là tính không thì không có cơ hội phát khởi chánh quán chứng tính không, nên việc quyết tâm tìm cầu tịch chỉ là điều cần thiết. Vì thế, chúng ta nên học các phương pháp của nó từ các tập sách khác.

Nếu không chỉ mong hiểu về tính không mà là tự mình trải nghiệm tính không trong dòng tương tục của chính mình, thì chúng ta nên xây dựng một nền tảng vững chắc cho điều này (sự chứng nghiệm tính không??) sự qua những điều đã được giải thích ở trên.

Sau đó, tùy theo khả năng của tâm mình, chúng ta nên nghe học cả kinh và luận dạy về tri kiến tính không thâm sâu cũng như những chú giải bởi các học giả Tây Tạng dày kinh nghiệm trong các chú thích của họ. Cùng với điều này, chúng ta nên học cách tu tập tính không của riêng mình phù hợp với giới luật của một bậc trí đầy kinh nghiệm.

*(Hồi Hương)*

Với thiện đức có từ nỗ lực này

Nguyện tất cả chúng sinh

Truy cầu hạnh phúc cho mình và kẻ khác,

Đạt được mắt tuệ thấy chân như, xa lìa các biên  
Đến được đảo đại Bồ đề.

---

*Cuốn sách này được viết ra nhằm mục đích giúp những người có trí ở phương Đông và phương Tây nói chung và đặc biệt là những ai mong muốn biết ý nghĩa thâm sâu và vi tế của tính Không hay vô ngã, nhưng lại không có cơ hội nghiên cứu những đại luận của Trung Quán hoặc không thể đọc và hiểu các bộ luận bằng tiếng Tây Tạng. Vì vậy, sách này soạn ra với mục đích chủ yếu cho mọi người đọc dễ hiểu và dễ dịch sang các ngôn ngữ khác.*

*Tỳ Kheo Sakya Tenzin Gyatso,*

*Chúc cát tường, mang đến điều tốt lành.*

*Soạn tác ngày 14/12/1983*

---

*New York ngày 1/6/2024*

*Nhật Hạnh-Tenzin Yangchen*

*hiệu đính căn cứ trên bản Anh-Việt của chị Loan, chị Diệp, chị Trà My và Quốc Hoàn dịch từ bản dịch Tạng-Anh của Jeffrey Hopkins và Lati Rimpoche với Alexander Berzin, Jonathan Landaw và Anne Klein; đối chiếu bản Tạng-Hoa của Pháp Sư Pháp Tôn và bản dịch Anh-Việt của dịch giả Nguyễn Phong; và chủ yếu dựa vào bản Tạng ngữ. Bản dịch chưa hoàn chỉnh, người đọc có thể tạm dùng cho pháp hội của Thánh đức Đạt Lai Lạt Ma ngày 3-4/06/2024*